TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2222/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04/7/2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Bùi Thị Phụng

2/ Bà Đinh Thị Diễm Kiều

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Ngọc Hoa, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Võ Hồng Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 2164/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2056/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3054/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08/6/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Minh T, sinh năm 1986

Địa chỉ thường trú: số 52 đường T, khu phố y, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ liên lạc: số 29 đường H, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Quang K, sinh năm 1970

Địa chỉ: số 52 đường T, khu phố y, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Minh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Minh T và ông Phạm Quang K tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2013, có tổ chức hỏi cưới và đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân phường H, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 147, quyển số 01/2013 ngày 01/11/2013.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc bình thường; đến khoảng đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vả, cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc. Trong thời gian qua bà T đã tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Thực tế bà T và ông K đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Nay bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông Phạm Quang K.

- Về con chung: Bà T và ông K có 02 con chung tên Phạm An N, sinh ngày 13/09/2013 và Phạm An K1, sinh ngày 07/4/2015. Từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, con chung vẫn do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay bà và hai con sinh sống tại địa chỉ 29 đường H, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Bà không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà và ông K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: Bà T xác định không có.

Bị đơn ông Phạm Quang K: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập ông K đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông K vắng mặt, nên không tiến hành hòa giải được và không ghi nhận được ý kiến của ông K.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; tuy nhiên, vẫn còn vi phạm Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Phạm Thị Minh T được ly hôn ông Phạm Quang K; giao hai con Phạm An N, sinh ngày 13/09/2013 và Phạm An K1, sinh ngày 07/4/2015 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện; bà Phạm Thị Minh T yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Quang K, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Phạm Quang K có nơi cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, nên thẩm quyền giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức; được pháp luật quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh về tình trạng cư trú và tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt. Xét thấy bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa ngày 08/6/2023 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án tiếp tục triệu tập hợp lệ bị đơn lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1].Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 147, quyển số 01/2013 ngày 01/11/2013 của Ủy ban nhân dân phường H, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Minh T và ông Phạm Quang K là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông K đã xảy ra những mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống nên thường xuyên cải vã, tính tình vợ chồng không hợp và hiện nay hai vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mời ông Phạm Quang K đến Tòa án để hòa giải vợ chồng đoàn tụ nhưng ông K không đến đã thể hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân tại Ủy ban nhân dân phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức. Theo nội dung công văn số 151/UBND ngày 17/3/2023 của Ủy ban nhân dân phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức: *"...Hiện nay bà Phạm Thị Minh T không sinh sống tại địa phương. Trong thời gian bà T, ông K sinh sống tại địa phương, Ủy ban nhân dân và công an phường không nhận được đơn kiến nghị hoặc thông tin nào phản ánh về tranh chấp, mâu thuẫn gia đình...Hiện nay hai trẻ Phạm An N và Phạm An K1 đang sống cùng bà T"*. Qua nội dung công văn đã thể hiện bà T, ông K không sinh sống cùng nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Minh T được ly hôn với ông Phạm Quang K theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Căn cứ lời khai của bà T phù hợp với bản sao giấy khai sinh số 438 ngày 07/11/2013 và số 113 ngày 23/4/2015 của Ủy ban nhân dân phường H, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức) cấp, đủ căn cứ xác định bà T và ông K có hai người con chung, Phạm An N, sinh ngày 13/9/2013 và Phạm An K1, sinh ngày 07/4/2015. Khi ly hôn, bà T có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Các con chung là trẻ Phạm An N, sinh ngày 13/9/2013 và Phạm An K1, sinh ngày 07/4/2015 hiện nay đang sinh sống với bà T và nguyện vọng của trẻ Phạm An N được ở với mẹ và em trai, Hội đồng xét xử xét yêu cầu của bà T là hợp tình, hợp lý phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cũng như phù hợp với nguyện vọng của con chung, nên có cơ sở giao hai con chung cho bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con, nên được ghi nhận và Tòa án không xem xét.

[2.4]. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Bà T khai không có.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 235, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Minh T:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Minh T được ly hôn với ông Phạm Quang K.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 147, quyển số 01/2013 ngày 01/11/2013 của Ủy ban nhân dân phường Hiệp Phú, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2 Về con chung: Giao hai con chung tên Phạm An N, sinh ngày 13/9/2013 và Phạm An K, sinh ngày 07/4/2015 cho bà Phạm Thị Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị Minh T không yêu cầu ông Phạm Quang K cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

1.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng bà Phạm Thị Minh T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0028401 ngày 20/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

- Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"./.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Thủ Đức;
- CC Thi hành án dân sự TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- UBND phường H, Tp. Thủ Đức;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Quốc Lưu